KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	13,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	28.0%	17.1%	-2.1%

DT thuần — *2024*: **156** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 127 ▲ 441%

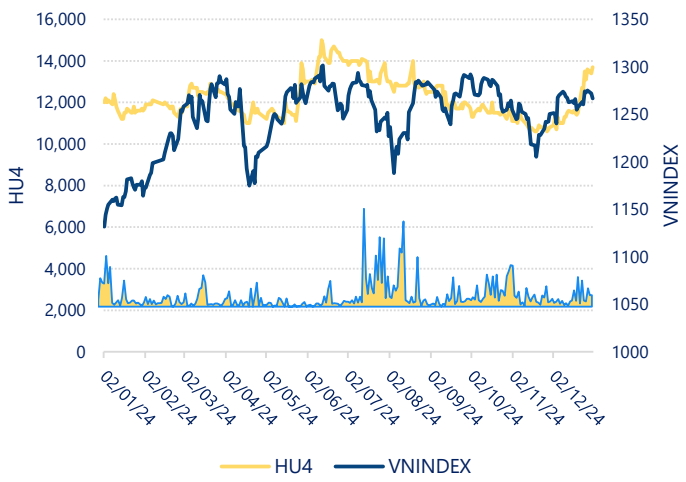
LN gộp — *2024*: **85.9** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 77.6 ▲ 936%

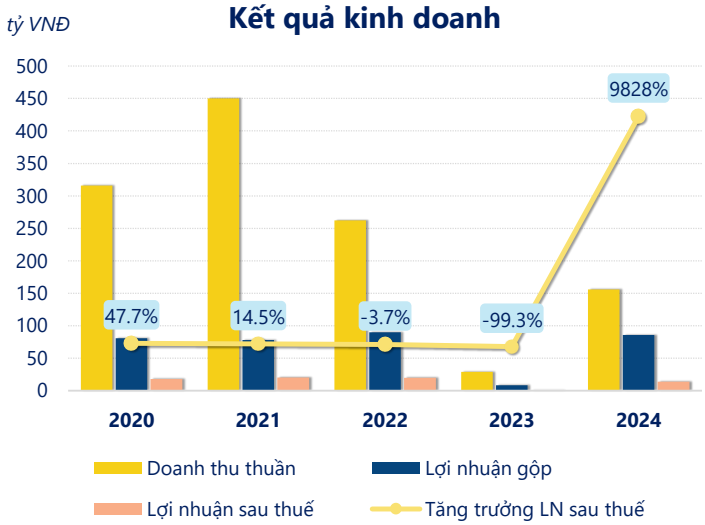
LN thuần — *2024*: **19.2** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 18.3 ▲ 1980%

LN sau thuế — *2024*: **13.9** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 13.8 ▲ 9828%

ROE — 2024: **7.0%** — +/- YoY ▲ 7.0%

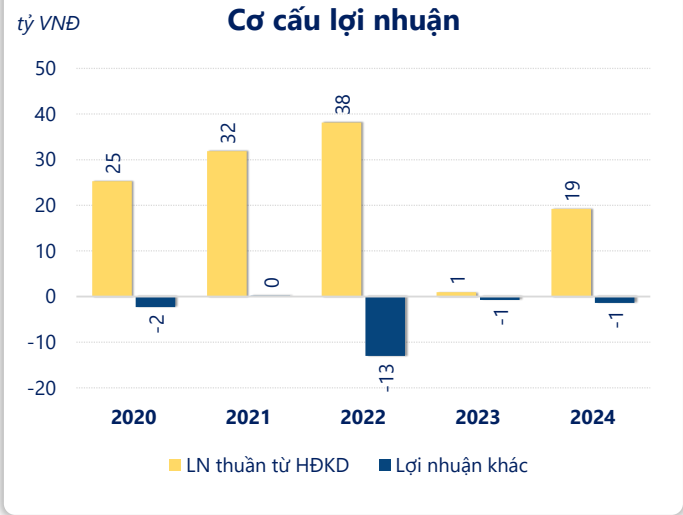
ROA — 2024: **1.9%** — +/- YoY ▲ 1.9%

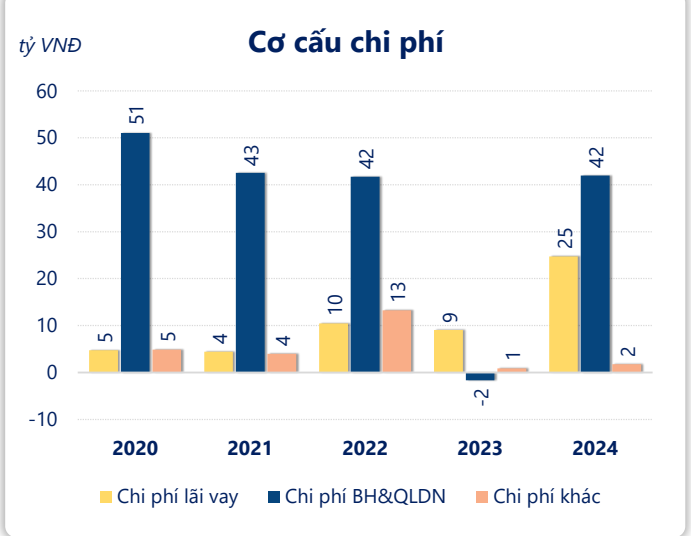




Năm **2024**, **HU4** ghi nhận doanh thu thuần **156.0** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **13.88** tỷ đồng, lần lượt **tăng 441%** và **tăng 9828%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **7.03%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

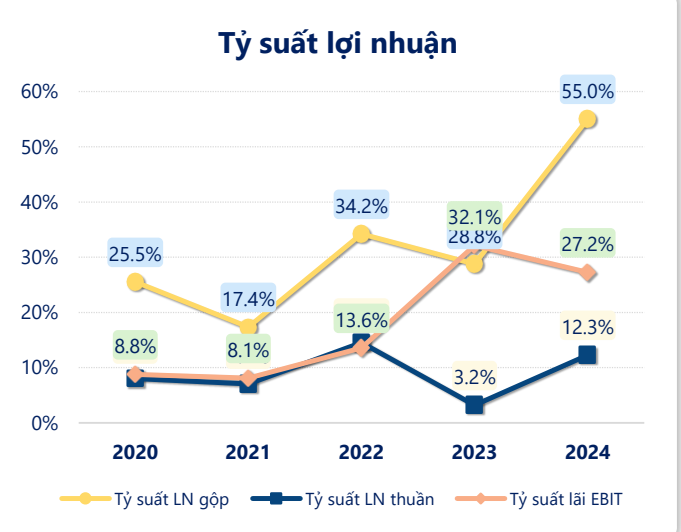


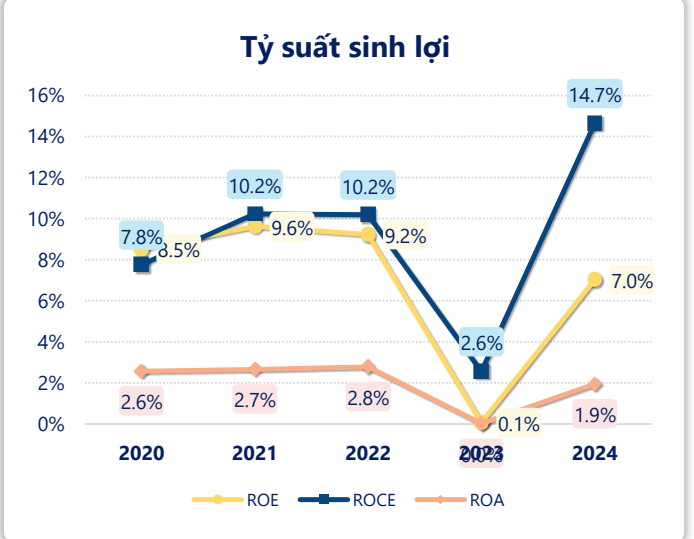


Năm **2024**, **HU4** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **19.19** tỷ đồng, **tăng lên 18.26** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (23.07 tỷ đồng) là 3.88 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

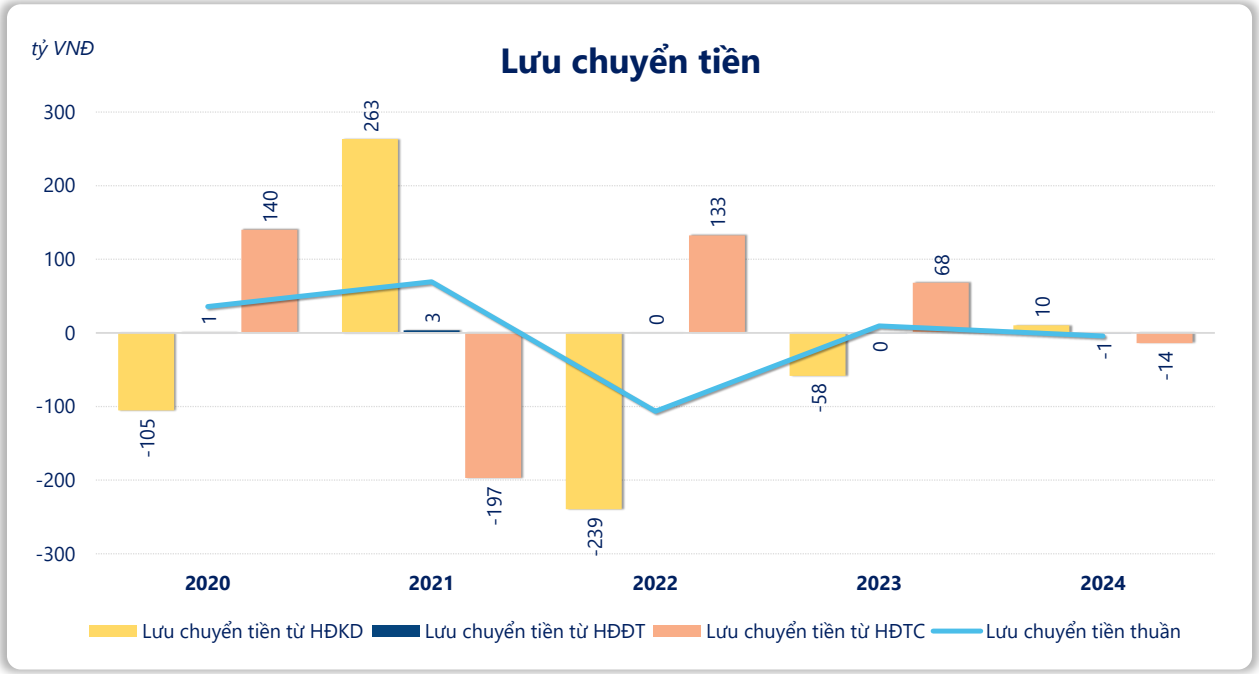
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **24.72** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **41.95** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.74** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của HU4 năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **7.03%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**316**	**450**	**262**	**28.8**	**156**
Giá vốn hàng bán	235	372	173	20.5	70.1
Lợi nhuận gộp	**80.6**	**78.2**	**89.7**	**8.29**	**85.9**
Doanh thu HĐTC	0.46	0.67	0.59	0.08	0.01
Chi phí TC	4.74	4.46	10.5	9.08	24.7
Chi phí lãi vay	**4.74**	**4.46**	**10.5**	**9.08**	**24.7**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	33.0	18.6	16.1	-17.9	12.4
Chi phí QLDN	18.0	23.9	25.6	16.2	29.5
LN thuần từ HĐKD	**25.3**	**31.8**	**38.1**	**0.92**	**19.2**
Lợi nhuận khác	-2.32	0.19	-13.0	-0.75	-1.42
LN trước thuế	**23.0**	**32.0**	**25.1**	**0.17**	**17.8**
Lợi nhuận sau thuế	**17.8**	**20.4**	**19.6**	**0.14**	**13.9**
LNST của CĐ cty mẹ	**17.8**	**20.4**	**19.6**	**0.14**	**13.9**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của HU4 bằng **-4.19** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (9.60 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **10.43** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.52** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-14.10** tỷ đồng.